

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

Bản án số: 48/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29- 5- 2024

V/v “Ly hôn”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Điền;

Ông Nguyễn Văn Chiến.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Kim Hải – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:**
Ông La Minh Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2024/HNGĐ-ST ngày 25/3/2024 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2024/QĐST- HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự :

1. Nguyên đơn: Chị **Le A**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: **B Way SE C, Alberta T 7J7, Canada.**

Người đại diện theo ủy quyền nhận các các văn bản tố tụng và Bản án: Bà **Nguyễn Thị A1**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: **Tổ B khu phố D, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.** Theo Giấy ủy quyền công chứng số 000311 quyền 01/2024TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/3/2024 tại **Văn phòng C, ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.**

2. Bị đơn: Anh **Trần Ngọc H**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: **Số B, tổ A, Ấp C, xã S, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.**

(Các đương sự xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Le A** và anh **Trần Ngọc H** đã tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn vào sổ đăng ký kết hôn số 294 quyển số 02/2014 ngày 07/4/2014.

Sau khi đăng ký kết hôn, do điều kiện chị **Le A** phải trở về Canada sinh sống và làm việc nên cả hai chưa sống chung với nhau. Thời gian đầu cả hai thường xuyên liên lạc với nhau qua điện thoại, sau đó ít liên lạc vì tình cảm không còn. Do cách xa địa lý nên từ năm 2019 đến nay cả hai không còn liên lạc với nhau nữa vì không còn tình cảm và đã có cuộc sống riêng. Nay chị **Le A** làm đơn xin được ly hôn với anh **Trần Ngọc H**.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Do công việc bận rộn, không có điều kiện ở Việt Nam tham gia các buổi làm việc, công khai chứng cứ hòa giải và xét xử nên chị **Le A** yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai cho chị được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Và chị đã ủy quyền cho người khác nhận các văn bản tố tụng và Bản án do Tòa án tổng đạt.

- Tại bản tự khai bị đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh **Trần Ngọc H** xác định năm 2014 có đăng ký kết hôn với chị **Le A** và được Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn đúng như đơn khởi kiện xin ly hôn chị **Le A** trình bày. Sau khi kết hôn chị **Le A** trở về Canada để đi làm, lúc đầu thỉnh thoảng có liên lạc với nhau qua điện thoại rồi do thời gian xa cách hiện nay không thể tái hợp. Nay chị **Le A** xin ly hôn thì anh đồng ý để trả tự do cho nhau.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Do điều kiện ở xa và thường xuyên đi làm ăn xa nhà nên yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai cho anh được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chị **Le A** và anh **Trần Ngọc H** xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Các đương sự đều thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn. Chị **Le A** yêu cầu ly hôn, anh **Trần Ngọc H** đồng ý ly hôn. Do đó, đề

ngợi Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị **Le A**, xử cho Chị **Le A** được ly hôn với anh **Trần Ngọc H**. Về con chung không có. Về tài sản chung đương sự khai không có; nợ chung đương sự trình bày không có nên không xem xét. Án phí ly hôn sơ thẩm đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Do điều kiện công tác, điều kiện địa lý chị **Le A** và anh **Trần Ngọc H** đều đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị **Le A**:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Le A** và anh **Trần Ngọc H** đã tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn vào sổ đăng ký kết hôn số 294 quyển số 02/2014 ngày 07/4/2014 nên căn cứ Luật hôn nhân và gia đình số 22/2000/QH10 được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi đăng ký kết hôn, do điều kiện chị **Le A** phải trở về Canada sinh sống và làm việc nên cả hai chưa sống chung với nhau. Thời gian đầu cả hai thường xuyên liên lạc với nhau qua điện thoại, sau đó ít liên lạc vì tình cảm không còn. Do cách xa địa lý nên từ năm 2019 đến nay cả hai không còn liên lạc với nhau nữa vì không còn tình cảm và đã có cuộc sống riêng. Nay chị **Le A** làm đơn xin được ly hôn, anh **Trần Ngọc H** đồng ý ly hôn.

Xét thấy tình cảm giữa chị **Le A** và anh **Trần Ngọc H** không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị **Le A** và anh **Trần Ngọc H** không ai có thiện chí hàn gắn đoàn tụ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **Le A**. Chị **Le A** được ly hôn với anh **Trần Ngọc H**.

[2.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét.

[3] Về án phí: chị **Le A** phải chịu 300.000 đồng án phí.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 37, 147, 227, 228, 238, 469, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, 56, 123, 127 và 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Le A** đối với anh **Trần Ngọc H** về việc “Ly hôn”.

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Le A** được ly hôn với anh **Trần Ngọc H**.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét .

Về án phí: Chị **Le A** phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn được trừ vào tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0000221 ngày 21/3/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Chị **Le A** đã nộp xong án phí.

Anh **Trần Ngọc H** được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án. Chị **Le A** được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- UBND tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thu Minh